

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẢO LÂM
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **11/2019/HNGĐ- ST**

Ngày : 21-5-2019

V/v tranh chấp: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO LÂM, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Bích Thủy**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Đình Hậu**

2. Ông **K' Ja Thái**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Thị Hòa**- Thư ký Tòa án nhân dân Huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm tham gia phiên tòa: Bà **Lâm Thị Hồng**- Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2019, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 252/2018/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2018 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Thanh P**, sinh năm 1998

Địa chỉ: Thôn 3, Xã Lộc N, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Hồ Thị P2- Văn phòng luật sư L- Đoàn luật sư tỉnh Lâm Đồng (có mặt)

- Bị đơn: Anh **Võ Hoàn P1**, sinh năm 1997

Địa chỉ: Thôn 3, Xã Lộc N, huyện B, tỉnh Lâm Đồng

Chị P và anh P1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24/9/2018 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị P và anh Võ Hoàn P1 có thời gian tìm hiểu nhau khoảng 01 năm mới kết hôn, chung sống với nhau từ năm 2017, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục và được hai bên gia đình đồng ý. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Xã Lộc N, huyện B, tỉnh Lâm Đồng ngày 05/01/2018.

Sau khi kết hôn vợ chồng ở với bố mẹ anh P1 tại thôn 3, Xã Lộc N, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. Ngay từ khi quen biết, tìm hiểu nhau thì chị P đã biết anh P1 chơi bời, hút ma túy. Chị P có khuyên bảo, anh P1 cũng hứa sẽ từ bỏ, lo học nghề để tu chí làm ăn. Khi về chung sống thì anh P1 có cai nghiện ma túy 02 lần nhưng cũng không bỏ được, không lo làm ăn, không lo được cuộc sống cho vợ con. Trong thời gian đi cai nghiện, chị P cũng có đi thăm và khuyên nhủ nhưng anh P1 không có quyết tâm cai nghiện để từ bỏ ma túy. Từ tháng 11/2018 đến nay vợ chồng đã sống ly thân, chị P về nhà bố mẹ để sinh sống và kiếm việc làm, phận ai nấy sống không quan tâm chăm sóc nhau, không gặp mặt anh P1 vì sợ ảnh hưởng đến cuộc sống và công việc hiện tại của chị P. Nay tình cảm vợ chồng không còn, chị P không muốn quay về đoàn tụ và yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh P1.

Về con chung: Chị P trình bày quá trình chung sống vợ chồng có một con chung là Võ Nguyễn Minh P3, sinh ngày 15/01/2018. Chị P trình bày khi không tiếp tục chung sống với anh P1 thì con chung do anh P1 và gia đình anh P1 trực tiếp nuôi dưỡng, chị chưa về thăm con lần nào. Tuy vậy chị P có gửi tiền cho mẹ ruột (bà ngoại) nhờ mua đồ cho con. Nay ly hôn do chị P không có điều kiện nuôi con nên đồng ý giao con chung cho anh P1 trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi và không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị P trình bày quá trình chung sống chị và anh P1 không tạo lập được khối tài sản chung nào, không có nợ ai nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nhất trí như lời trình bày của nguyên đơn và không bổ sung gì thêm.

Tại bản tự khai ngày 19/3/2019 và các lời khai khác tại Tòa án, bị đơn anh Võ Hoàn P1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian tìm hiểu, chung sống, đăng ký kết hôn anh P1 thừa nhận như chị Nguyễn Thị Thanh P trình bày là đúng. Quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn, cãi vã do phát sinh từ kinh tế gia đình. Anh P1 cũng ít quan tâm chăm sóc vợ con. Bản thân cô P đã tự ý bỏ đi từ tháng 11/2018 đến nay không quay lại, không thăm con, tình cảm vợ chồng không còn. Nay chị P yêu cầu giải quyết ly hôn anh P1 cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh P1 thừa nhận vợ chồng có một con chung tên là Võ Nguyễn Minh P3, sinh ngày 15/01/2018. Anh P1 trình bày từ khi vợ chồng ly thân đến nay anh P1 là người trực tiếp nuôi con. Nay ly hôn anh P1 yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung đến khi đủ 18 tuổi, không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh P1 trình bày anh và chị P không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 16/4/2019 nhưng không được. Lý do chị P và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị P có mặt, không đề nghị hoãn phiên họp,

phiên hòa giải, có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải vụ án nữa, anh P1 có đơn yêu cầu vắng mặt tại phiên họp về chứng cứ và hòa giải.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn, bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên không có thay đổi gì về nội dung khởi kiện và lời trình bày trước đây tại Tòa án. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho chị P được ly hôn với anh P1, về con chung đồng ý giao con cho anh P1 trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi, chị P không cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết, về án phí đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Kết thúc phần tranh luận, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và về việc giải quyết vụ án như sau: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị P và anh P1 được ly hôn, về con chung cần giao cho anh P1 trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi, anh P1 không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung không có nên không xem xét giải quyết. Về án phí cần buộc chị P phải chịu 300.000 án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh P, bị đơn anh Võ Hoàn P1 đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung vụ án:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị Thanh P và anh Võ Hoàn P1 chung sống với nhau từ tháng 03/2017, hôn nhân tự nguyện, có thời gian tìm hiểu và yêu thương nhau, có tổ chức lễ cưới theo phong tục và được hai bên gia đình đồng ý. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lộc N, huyện B, tỉnh Lâm Đồng ngày 05/01/2018. Đây là quan hệ hôn nhân và gia đình được xác lập, thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ.

Mặc dù ngay từ khi quen biết, tìm hiểu chị P đã biết anh P1 nghiện ma túy, chơi bời nhưng vì tình cảm và anh P1 cũng đã hứa là sẽ sửa đổi nên chị P chấp nhận kết hôn và chung sống. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau chưa được bao lâu thì phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Chị P trình bày là anh P1 tiếp tục chơi bời, hút ma túy và đã hai lần đi cai nghiện nhưng không quyết tâm từ bỏ. Từ đó dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn, cãi vã nhau, anh P1 không lo làm ăn,

không lo cho cuộc sống gia đình, vợ con. Từ tháng 11/2018 đến nay vợ chồng đã sống ly thân. Anh P1 trình bày quá trình chung sống vợ chồng có cãi vã là xuất phát từ kinh tế, anh P1 ít quan tâm chăm sóc vợ con. Do chị P không còn tình cảm vợ chồng nên tự ý bỏ đi từ tháng 11/2018 đến nay. Nay chị P yêu cầu giải quyết ly hôn anh P1 cũng đồng ý. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, sống không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị P, anh P1 đều yêu cầu giải quyết ly hôn. Hội đồng xét xử căn áp dụng Điều 5, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị Nguyễn Thị Thanh P và anh Võ Hoàn P1 ly hôn là có căn cứ và đúng pháp luật.

- *Về con chung*: Xét lời khai của chị Nguyễn Thị Thanh P và anh Võ Hoàn P1, căn cứ vào giấy khai sinh chị P xuất trình cho Tòa án thì quá trình chung sống hai người có một con chung tên là Võ Nguyễn Minh P3, sinh ngày 15/01/2018. Xét thấy từ khi ly thân đến nay anh P1 đang trực tiếp nuôi con chung và đảm bảo cuộc sống của con. Mặc dù con dưới 36 tháng tuổi nhưng chị P đồng ý giao con cho anh P1 trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi và không cấp dưỡng nuôi con chung. Anh P1 yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung đến khi đủ 18 tuổi và không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con chung. Vì vậy để đảm bảo sự phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ và đạo đức của con, căn cứ vào các điều 70, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần giao con là Võ Nguyễn Minh P3, sinh ngày 05/01/2018 cho anh P1 tiếp tục nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi là có căn cứ và đúng pháp luật. Anh P1 không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

- *Về tài sản chung*: Chị Nguyễn Thị Thanh P và anh Võ Hoàn P1 thống nhất trình bày không có tài sản chung nên không có yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không đề cập đến.

- *Về nợ chung*: Nguyễn Thị Thanh P và anh Võ Hoàn P1 thống nhất trình bày không có nợ chung nên không có yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[3] Về án phí: Đây là vụ án dân sự không có giá ngạch, cần buộc nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 226 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 5, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều 70, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, áp dụng Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh P đối với bị đơn anh Võ Hoàn P1 về việc “Ly hôn”.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Thanh P và anh Võ Hoàn P1 được ly hôn.

2. Về con chung: Giao con chung là Võ Nguyễn Minh P3, sinh ngày 25/01/2018 cho anh Võ Hoàn P1 trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi, chị Nguyễn Thị Thanh P không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Thanh P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị P đã nộp tại biên lai nộp tiền số AA/2016/0013211 ngày 24/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2015 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2015.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Bảo Lâm;
- Chi cục THADS huyện Bảo Lâm;
- UBND Xã Lộc N, huyện B;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(đã ký)**

Nguyễn Thị Bích Thủy

